

CỤC THUẾ
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC XVI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8006 /CCTKV.XVI-QLDN2

Bình Dương, ngày 21 tháng 5 năm 2025

V/v xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp,
tiền phạt nộp thừa

Kính gửi: Công ty TNHH Hệ Thống Thiết Bị UMW (Việt Nam)
Mã số thuế: 3700233968
Địa chỉ: Số 12A Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam - Singapore,
P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương

Chi cục Thuế Khu vực XVI nhận được văn bản số 05/2025-KT/UMW-CV ngày 14/5/2025 của Công ty TNHH Hệ Thống Thiết Bị UMW (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty") về việc cản trừ thu nhập cá nhân ("TNCN") danh sách chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay. Qua nội dung công văn của Công ty, Chi cục Thuế Khu vực XVI có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2, Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định về trách nhiệm của người nộp thuế:

"Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế

1. Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế.

2. Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ."

- Căn cứ điểm a, điểm b, Khoản 1, Điều 25 và điểm a, Khoản 1, Điều 42 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế:

"Điều 25. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

1. Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa, tiền chậm nộp nộp thừa, tiền phạt nộp thừa (sau đây gọi là khoản nộp thừa) theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Quản lý thuế thì được xử lý bù trừ hoặc hoàn trả như sau:

a) Bù trừ khoản nộp thừa với số tiền thuế còn nợ, tiền chậm nộp còn nợ, tiền phạt còn nợ (sau đây gọi là khoản nợ) hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phát sinh phải nộp của lần tiếp theo (sau đây gọi là khoản thu phát sinh) trong các trường hợp:

a.1) Bù trừ với khoản nợ của người nộp thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách với khoản nộp thừa.

a.2) Bù trừ với khoản thu phát sinh của người nộp thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách với khoản nộp thừa.



a.3) Tổ chức trả thu nhập có số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa thì thực hiện bù trừ theo quy định tại điểm a.1, a.2 khoản này. Số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa khi quyết toán được xác định bằng (=) số thuế nộp thừa của cá nhân ủy quyền quyết toán trừ (-) số thuế còn phải nộp của cá nhân ủy quyền quyết toán; tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm trả cho cá nhân ủy quyền quyết toán số thuế thu nhập cá nhân nộp thừa khi tổ chức chi trả quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

a.4) Bù trừ với khoản nợ hoặc khoản thu phát sinh có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách của người nộp thuế khác khi người nộp thuế không còn khoản nợ.

a.5) Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa bằng ngoại tệ thuộc trường hợp khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ quy định tại Điều 4 Thông tư này khi thực hiện bù trừ phải quy đổi sang đồng Việt nam theo tỷ giá bán ra đầu ngày của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm xác định số thuế nộp thừa để bù trừ.

b) Hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách

Người nộp thuế có khoản nộp thừa sau khi thực hiện bù trừ theo hướng dẫn tại điểm a khoản này mà vẫn còn khoản nộp thừa hoặc không có khoản nợ thì người nộp thuế được gửi hồ sơ đề nghị hoàn trả hoặc hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 42 Thông tư này. Người nộp thuế được hoàn trả khoản nộp thừa khi người nộp thuế không còn khoản nợ.

...

Điều 42. Hồ sơ hoàn nộp thừa

1. Hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện quyết toán cho các cá nhân có ủy quyền

Hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này;

a.2) Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp người nộp thuế không trực tiếp thực hiện thủ tục hoàn thuế, trừ trường hợp đại lý thuế nộp hồ sơ hoàn thuế theo hợp đồng đã ký giữa đại lý thuế và người nộp thuế;

a.3) Bảng kê chứng từ nộp thuế theo mẫu số 02-1/HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này (áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập). ”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty có các khoản nộp thừa tiền thuế TNCN thì Công ty được phép bù trừ vào số tiền thuế phát sinh phải nộp của lần tiếp theo có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) và cùng địa bàn thu ngân sách với khoản nộp thừa hoặc đề nghị Cơ quan Thuế hoàn trả theo quy định.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế phát sinh, đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện theo quy định.

Nếu có vướng mắc, Công ty liên hệ với Chi cục Thuế Khu vực XVI - Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 2; địa chỉ: số 19 Lê Duẩn, khu phố 2, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương; số điện thoại: 0978.793090 (Công chức: Nguyễn Thùy Linh) để được hỗ trợ.

Trên đây là ý kiến của Chi cục Thuế Khu vực XVI trả lời Công ty biết để thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Website Chi cục Thuế;
 - Lưu: VT, QLDN2. 
- (250414/ZV09/0001/7401/018728919)

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Đông

